SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

(Giấy CNĐKKD: 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 01/04/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: ……./SGD…… do ……..cấp ngày …… tháng….. năm…….)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Địa chỉ : Số 10 Trường Thi, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0238. 3847 143 Fax: 0238. 3847 142

Website : www.nghetinhport.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 024 3726 2222 Fax: 024 3726 2305

Website : www.shbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên : Ông Nguyễn Xuân Hùng Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại : 0238.3847 143

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

(Giấy CNĐKKD: 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 01/4/2015)

- *Địa chỉ* : *Số 10 Trường Thi, Phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An,*
- *Điện thoại* : *0238. 3847 143* *Fax: 0238. 3847 142*
- *Email* : *portnt@vnn.vn*
- *Website* : *www.nghetinhport.com.vn*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu : NAP
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng niêm yết : 21.517.200 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết *(theo mệnh giá)* : 215.172.000.000 đồng

➢ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

- **Trụ sở chính:** Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
- **Điện thoại** : 024 6288 3568 **Fax:** 024 6288 5678

➢ **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

- **Trụ sở chính** : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- **Điện thoại** : 024 3726 2222 **Fax:** 024 3726 2305
- **Website** : www.shbs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH 5

1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro luật pháp 7
3. Rủi ro về ngành 7
4. Rủi ro khác 8

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9

1. Tổ chức niêm yết – Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh 9
2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán SHB 9

III. CÁC KHÁI NIỆM 9

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 10

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: 10
2. Cơ cấu tổ chức Công ty 12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông 15
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cảng Nghệ Tĩnh; những công ty do Cảng Nghệ Tĩnh nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 16
6. Hoạt động kinh doanh 16
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 25
8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo 26
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 27
10. Chính sách đối với người lao động: 30
11. Chính sách cổ tức 31
12. Tình hình hoạt động tài chính 31
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 36
14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty) 48
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 50
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 51
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: 52
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: 52

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 53

1. Loại chứng khoán 53
2. Mệnh giá 53
3. Mã chứng khoán 53
4. Tổng số chứng khoán niêm yết 53
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành 53
6. Giá trị sổ sách 54
7. Phương pháp tính giá 54
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 55
9. Các loại thuế có liên quan 55

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 56

1. Tổ chức kiểm toán 57
2. Tổ chức Tư vấn 57

VII. PHỤ LỤC 57

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2: Tỷ lệ lạm phát 6
Sơ đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty 12
Sơ đồ 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý 13
Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 09/10/2017 15
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 09/10/2017 16
Bảng 7: Sản lượng hàng hóa thông qua và bốc xếp 17
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ 17
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp 18
Bảng 10: Chi phí sản xuất qua các năm 19
Bảng 11: Luồng vào cảng 20
Bảng 12: Cầu bến 20
Bảng 13: Danh mục thiết bị chính 21
Bảng 14: Các Hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết 24
Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh 25
Bảng 16: Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán 29
Bảng 17: Cơ cấu lao động 30
Bảng 18: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 32
Bảng 19: Số dư các quỹ 32
Bảng 20: Tổng dư nợ vay 32
Bảng 21: Tình hình công nợ phải thu 33
Bảng 22: Tình hình công nợ phải trả 34
Bảng 23: Đầu tư tài chính ngắn hạn 34
Bảng 24: Đầu tư tài chính dài hạn 35
Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính 35
Bảng 26: Danh sách thành viên HĐQT 36
Bảng 27: Danh sách thành viên Ban kiểm soát 43
Bảng 28: Danh sách thành viên BGĐ và KTT 45
Bảng 29: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến 31/12/2016 48
Bảng 30: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 49
Bảng 31: Các khu đất Công ty đang sử dụng 49
Bảng 32: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2017 50
Bảng 33: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 51

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

1. Rủi ro về kinh tế

Những biến động từ các yếu tố chủ đạo của nền kinh tế luôn có tác động ít nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát sẽ tăng cao ... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng GDP

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sơ đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm

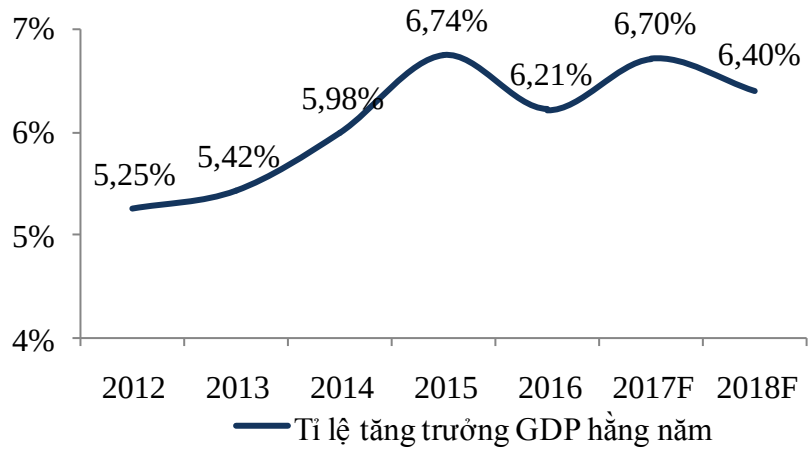

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2017, Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam được đánh giá là tích cực trong trung hạn, mức tăng trưởng GDP dự kiến sẽ cải thiện lên mức 6,7% trong 2017 và 2018 nhờ sản xuất nông nghiệp được phục hồi và triển vọng kinh tế toàn cầu tiếp tục cải thiện.

Theo phân tích của WB, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay đang phải đối mặt những hạn chế cơ cấu ngày càng lớn. Tăng trưởng kinh tế đã trở nên quá phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất (vốn, tài nguyên và lượng lao động kỹ năng thấp), cũng như các biện pháp kích thích kinh tế

vĩ mô (các chính sách nới lỏng tài khóa và tín dụng) trong khi đóng góp của tăng trưởng năng suất (tổng năng suất các yếu tố - TFP) đang giảm xuống.

Bên cạnh đó, kinh tế toàn cầu tiếp tục suy thoái và viễn cảnh về hiệp định TPP đang nhạt dần có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của Việt Nam thông qua các kênh thương mại và đầu tư. Trong khi đó, tình hình thị trường tài chính toàn cầu chưa khởi sắc và viễn cảnh tăng lãi suất do dự báo về thắt chặt chính sách tiền tệ tại Mỹ cũng làm dấy lên một số quan ngại, khi Việt Nam dự kiến tiếp cận thị trường quốc tế để đáp ứng một số nhu cầu huy động vốn cho ngân sách.

Theo nhận định vào tháng 12/2017 của Ngân hàng Thế giới, nền kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 6,7% trong năm 2017. Tuy nhiên, kinh tế thế giới thay đổi có thể tác động bất lợi cho kinh tế Việt Nam những năm tiếp theo: (i) Độ co giãn của cầu nhập khẩu theo thu nhập đã giảm mạnh tại hầu hết các nền kinh tế APEC và trên toàn cầu, đặc biệt tại các nước phát triển; (ii) Xu hướng bảo hộ thương mại phi thuế quan tăng mạnh, đặt ra thách thức lớn cho các nước xuất khẩu, trong đó có Việt Nam.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế.

Sơ đồ 2: Tỷ lệ lạm phát

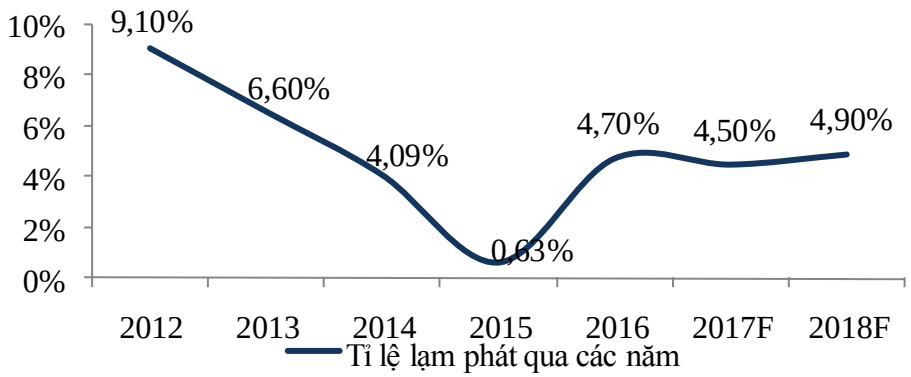

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%. Tuy nhiên, sang năm 2015, lạm phát ghi nhận thấp nhất trong nhiều năm qua, nguyên nhân chính là do chi phí đẩy giảm. Cụ thể, nguồn cung về lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào, cùng với sự cạnh tranh với các nước đã khiến chỉ số giá nhóm lương thực năm 2015 giảm 1,24% so với cuối năm trước. Giá nhiên liệu trên thị trường thế giới giảm mạnh, đặc biệt là giá dầu cũng khiến nhóm hàng "nhà ở và vật liệu xây dựng" và "giao thông" năm 2015 lần lượt giảm 1,62% và 11,92%, so với năm trước, trong đó riêng giá xăng dầu giảm gần 25% góp phần giảm CPI chung 0,9%. Ngoài ra việc CPI giảm còn do nguyên nhân chủ quan từ việc cắt

giảm chi tiêu của người dân.

Lạm phát cả năm 2016 là 4,7% đạt mục tiêu dưới 5% theo Nghị Quyết quốc hội đề ra.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2017 so với cùng kỳ năm trước tăng 3,61%.. Năm 2017 gần như chắc chắn sẽ hoàn thành mục tiêu 4% của cả năm mà Quốc hội, Chính phủ đặt ra. Lạm phát trong các năm tới dự đoán sẽ tăng ở mức vừa phải trong năm tới do giá hàng hóa và nhiên liệu dần hồi phục.

1.3. Lãi suất

Năm 2016, mặc dù có áp lực tăng nhưng mặt bằng lãi suất được giữ tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ 0,2 -0,4% do việc đẩy mạnh huy động tiền gửi, trong khi đó lãi suất cho vay vẫn được duy trì định hướng thấp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Lãi suất cho vay phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn; lãi suất cho vay ngắn hạn ưu tiên ở mức 4-5%/năm.

Năm 2017, mặc bằng lãi suất chịu áp lực tăng do lạm phát có khả năng tăng trong năm 2017 khi giá cả hàng hóa thế giới phục hồi, sức cầu trong nước trở lại, nhu cầu huy động của các ngân hàng tăng khi thông tư 06 về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn tại các ngân hàng thương mại giảm từ 60% còn 50% kể từ 1/1/2017 và 40% từ 01/01/2018. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn, tạo động lực cho nền kinh tế năm 2017 tăng trưởng khả quan.

Như vậy, với việc mặt bằng lãi suất hiện tại có xu hướng duy trì ở mức thấp, chi phí lãi vay của doanh nghiệp sẽ không bị phát sinh cao. Nhờ đó, các doanh nghiệp sử dụng vốn vay nhiều cũng sẽ có cơ hội được hỗ trợ về nguồn vốn tín dụng trong năm 2017.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp TNHH Một thành viên chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Ngoài ra, sau khi chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng và niêm yết trên sàn UPCOM, CTCP Cảng Nghệ Tĩnh trở thành Công ty đại chúng và sẽ chịu sự điều chỉnh sâu sắc của các văn bản pháp luật về chứng khoán, kiểm toán và các nghĩa vụ thuế, kể cả của cổ đông. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, một số quy định chưa rõ ràng và còn lệ thuộc nhiều vào các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như một số vấn đề pháp lý phát sinh khác vẫn ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro về ngành

3.1. Rủi ro biến động giá đầu vào cho sản xuất

Xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu chính cho đầu vào sản xuất kinh doanh của ngành khai thác cảng. Mặt khác, xăng dầu cũng là nhân tố quan trọng hoạt động kinh doanh của các hãng tàu, hãng vận tải. Vì vậy, mọi biến động giá xăng dầu nội địa và trên toàn thế giới cũng đều có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh.

Giá dầu thế giới bất ổn và khó dự đoán do chịu cộng hưởng tác động trái chiều của nhiều nhân tố chính trị, kinh tế và kỹ thuật. Trước tình hình ngày một khan hiếm của tài nguyên này và những bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới, giá nguyên vật liệu được dự báo sẽ dao động mạnh trong tương lai, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp liên quan bao gồm cả doanh nghiệp khai thác cảng và các khách hàng, đối tác của họ.

3.2. Rủi ro thay đổi công nghệ

Đặc thù ngành khai thác cảng là sử dụng các thiết bị nâng, đỡ quy mô lớn. Tốc độ thay đổi công nghệ đối với những thiết bị này không cao, vì vậy, các doanh nghiệp khai thác cảng không chịu nhiều rủi ro do sự thay đổi liên tục của công nghệ mới. Tuy nhiên, do việc đầu tư cho các thiết bị trên yêu cầu mức đầu tư lớn, doanh nghiệp sẽ cần chú ý tới hiệu quả trong sử dụng nhằm đảm bảo tính kinh tế của các khoản đầu tư vào máy móc thiết bị này.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Trong khu vực khai thác cảng của các tỉnh miền Trung, có tới 30 cảng lớn nhỏ khác nhau cạnh tranh về nguồn khách hàng, về giá cước phí, khả năng bốc xếp hiệu quả, chất lượng dịch vụ cung cấp. Điều này có tác động không nhỏ tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh nhưng cũng là động lực để Cảng Nghệ Tĩnh luôn đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đủ năng lực cạnh tranh với các đối thủ trong ngành trên địa bàn.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, địch họa ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

- Ông Nguyễn Văn Hạnh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lê Doãn Long Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông Bùi Kiều Hưng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Xuân Hùng Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà: Ngô Thị Hồng Hạnh Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán SHB

Đại diện theo pháp luật**: Ông Nguyễn Thế Minh** Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
SHBS	Công ty cổ phần Chứng khoán SHB
CTCP	Công ty cổ phần
QĐ	Quyết định
HĐXSKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
DTT	Doanh thu thuần
TSCĐ HH	Tài sản cố định hữu hình
TSCĐ VH	Tài sản cố định vô hình
GTVT	Giao thông Vận tải
BCTC	Báo cáo tài chính
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TDT	Tổng doanh thu
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Công ty	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
Điều lệ	Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
SGDCKHN	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
- Tên giao dịch quốc tế : Nghetinh Port Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Cảng Nghệ Tĩnh
- Trụ sở chính : Số 10 Trường Thi, Phường Trường Thi, Vinh, Nghệ An
- Điện thoại : 038.3847141 Fax: 038.3847142
- Website : www.nghetinhport.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký : 215.172.000.000 VNĐ
- Vốn điều lệ thực góp : 215.172.000.000 VNĐ
- Ngày trở thành Công ty đại chúng : Ngày 09 tháng 9 năm 2015 (căn cứ công văn số 5743/UBCK-QLPH ngày 09/09/2015 của UBCKNN)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 01/4/2015
- Người đại diện theo pháp luật : Lê Doãn Long – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty
- Logo :

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
  - Bốc xếp hàng hóa
  - Vận tải hành khách đường bộ khác
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
  - Vận tải hàng hóa ven biển viễn dương
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: cho thuê kho bãi, văn phòng

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Cảng Nghệ Tĩnh với lịch sử 60 năm xây dựng và trưởng thành, là cảng tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn rộng lớn, bao gồm 2 khu vực Cửa Lò và Bến Thuỷ với hơn 800m cầu cảng cùng nhiều thiết bị xếp dỡ tiên tiến, hệ thống kho bãi hiện đại và đội ngũ công nhân chuyên nghiệp.

- Đầu thế kỷ XX, Cảng Bến Thuỷ được người Pháp xây dựng 2 bến (bến Lono và bến Măngô). Sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, ngày 13/10/1955 Bộ GTVT đã ký quyết định số 141 "Tạm lập cơ quan quản lý Cảng Bến Thuỷ". Cảng Bến Thuỷ được hình thành với một cầu tàu bằng gỗ lim dài 150m, rộng 10m, 4 kho xây bằng gạch lợp ngói rộng 400m2, một bãi chứa than, một âu chứa gỗ, nhà làm việc, nhà ăn và nhà ở tập thể.
- Ngày 16/9/1996, Bộ GTVT ra Quyết định 2443/KHĐT nâng cấp Cảng Cửa Lò với mức đầu tư 138 tỷ đồng – bổ sung 2 bến cảng.
- Ngày 6/7/2009, Bộ GTVT ra Quyết định số 1935/QĐ-BGTVT chuyển Cảng Nghệ Tĩnh thành thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 30/9/2009, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ra Quyết định 718/QĐ-HĐQT chuyển Công ty Cảng Nghệ Tĩnh thành Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh.

Quá trình cổ phần hóa:

Thực hiện chủ trương của Nhà nước, Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh đã hoàn thành quá trình cổ phần hóa, chính thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với các mốc thời gian quan trọng của tiến trình cổ phần hóa như sau:

- Ngày 01/12/2014, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra Quyết định số 658/QĐ-HHVN về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh thành công ty cổ phần;
- Ngày 31/12/2014, tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng chào bán là 3.894.156 cổ phần, giá khởi điểm là 10.100 đồng/cổ phần. Kết quả: Tổng khối lượng bán thành công là 3.894.156 cổ phần, chiếm 100% tổng khối lượng cổ phần chào bán đấu giá; giá đấu thành công bình quân là 12.129 đồng/ cổ phần.
- Ngày 21/3/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh.
- Ngày 01/4/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900325068 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 01/4/2015 chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là: 215.172.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện đăng ký giao dịch trên UPCOM:

Ngày 08/10/2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 655/QĐ-SGDCKHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh. Tuy nhiên để phục vụ công tác cổ phần hóa và thoái vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) nên đến ngày 19 tháng 7 năm 2016, cổ phiếu Cảng Nghệ Tĩnh mới chính thức giao dịch tại UPCOM với giá tham chiếu 11.400 đồng/cp, mã chứng khoán là NAP.

Từ đó tới nay, Công ty luôn tuân thủ nghĩa vụ thực hiện Công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của Doanh nghiệp, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo quy định của pháp luật về việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.3. Quá trình tăng vốn

Thực hiện chủ trương của Nhà nước, Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh đã hoàn thành quá trình cổ phần hóa, chính thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/04/2015 với mức vốn điều lệ 215.172.000.000 đồng.

Kể từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh hoạt động ổn định và không tiến hành tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

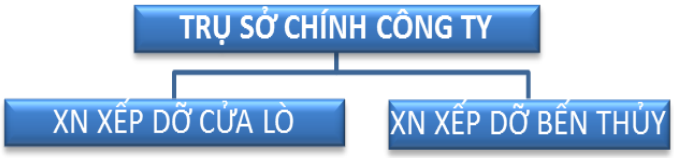

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Công ty hiện có trụ sở chính và các xí nghiệp sau:

- **Trụ sở chính của Công ty**

  Công ty đặt trụ sở chính tại số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh tỉnh Nghệ An.

- **Các xí nghiệp**

  Công ty có 02 xí nghiệp: Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò, Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

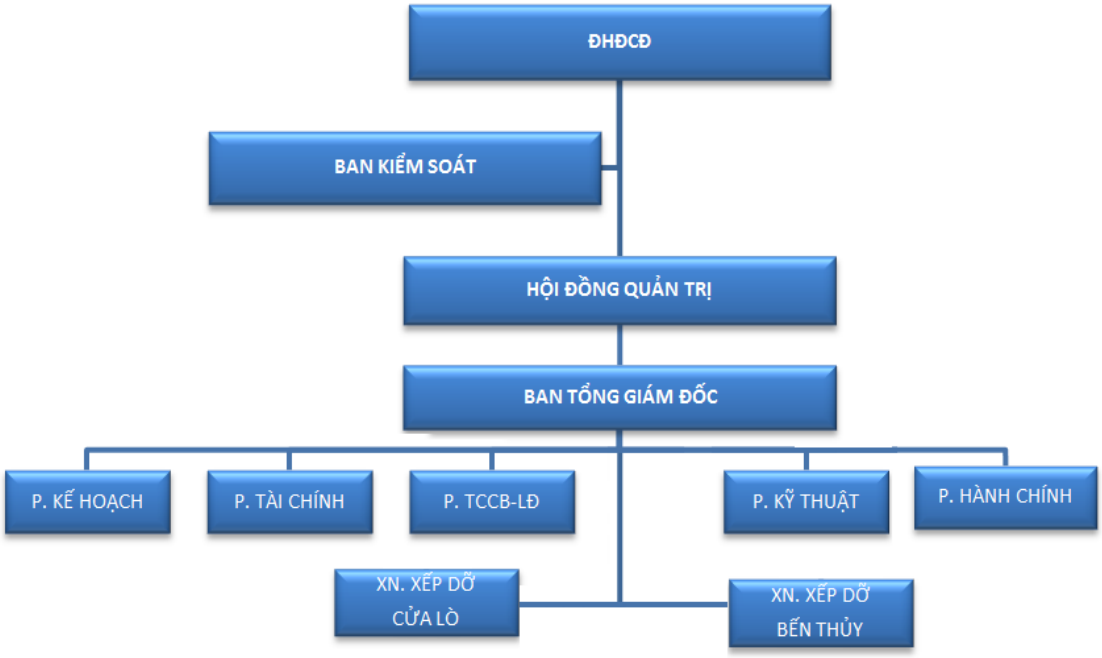

- **Đại hội đồng cổ đông ĐHĐCĐ**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

- **Hội đồng quản trị**

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị để điều hành và giám sát hoạt động của Công ty. Số lượng thành viên HĐQT tối đa là 07 người, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty quy định.

- **Ban Kiểm soát**

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, BKS của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm.

- **Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung toàn bộ về các mặt công tác và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

- **Phòng kế hoạch kinh doanh:**
  - Tham mưu tổng hợp cho lãnh đạo công ty về công tác kế hoạch, khai thác kinh doanh, thương vụ, hợp đồng, marketing và công tác đầu tư:
  - Căn cứ vào nguồn hàng, sản lượng thông qua để lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực công tác kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, xác lập kế hoạch tháng, quý, 6 tháng và hàng năm của công ty.
  - Theo dõi và chỉ đạo hai xí nghiệp xếp dỡ thực hiện kế hoạch bốc xếp, giải phóng tàu, kho, bãi.
  - Soạn thảo các hợp đồng kinh tế, giao dịch đối nội, đối ngoại. Công tác thương vụ, marketing.
  - Theo dõi toàn diện các mặt hoạt động SXKD chung của công ty. Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp bổ sung về kế hoạch để Tổng giám đốc công ty có chủ trương chỉ đạo kịp thời, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả kinh tế cao.
  - Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo công ty về công việc được phụ trách.
- **Phòng Tài chính kế toán**
  - Xây dựng các phương án tài chính phục vụ công tác quản lý vốn và tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.
  - Hạch toán kế toán trong toàn đơn vị, quản lý kế toán, tài sản, vật tư tiền vốn của Công ty đảm bảo đúng chế độ của nhà nước.
  - Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý kế toán đúng chế độ chính sách và pháp luật của nhà nước.
- **Phòng Tổ chức cán bộ lao động**
  - Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc công ty về công tác tổ chức cán bộ lao động.
  - Ban hành các quy chế, chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương, BHXH, định mức lao động kỹ thuật, bảo hộ lao động, ATLĐ, ANCB, thanh tra, kiểm tra các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.
  - Tham mưu cho Tổng giám đốc ký các loại hợp đồng lao động.
  - Căn cứ các chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, các nội quy, điều lệ của chủ sở hữu, của công ty và các cơ quan quản lý chuyên ngành để nghiên cứu và áp dụng đúng đắn và đề ra được những quy định cụ thể cũng như các biện pháp cần thiết nhằm phát triển sản xuất của công ty.
  - Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công việc được phụ trách.
- **Phòng kỹ thuật vật tư**
  - Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc công tác quản lý về kỹ thuật cơ khí, quản lý vật tư, nhiên liệu, quản lý phương tiện thiết bị, dụng cụ mang hàng, các công trình xây dựng trong phạm vi toàn cảng đảm bảo đúng quy tắc, quy trình kỹ thuật an toàn, xây dựng các định mức kỹ thuật về nhiên liệu để tận dụng công suất máy móc giải phóng sức lao động con người.

- Tham mưu cho hội đồng thành viên và Tổng giám đốc trong công tác đầu tư phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty.

❖ **Phòng hành chính**

- Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về công tác hành chính văn thư, lưu trữ, công tác thông tin liên lạc bảo mật. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nguyên tắc thủ tục hành chính đảm bảo chế độ giờ giấc làm việc, nội quy ra vào cơ quan. Công tác lễ nghi khánh tiết, thăm hỏi, hiếu hỉ, đối nội, đối ngoại.
- Bộ phận y tế là bộ phận chức năng giúp Ban lãnh đạo về công tác vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh, quản lý và chăm lo sức khỏe cho CBCNV trong công ty.
- Quản lý điều hành xe con, xe ca đưa đón cán bộ lãnh đạo đi công tác, đưa đón công nhân phục vụ sản xuất.
- Bảo vệ an toàn tài sản, thiết bị công trình khu văn phòng cảng.
- Vệ sinh công nghiệp đảm bảo sạch sẽ tại khu vực văn phòng Công ty.
- Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty lên trang website Cảng Nghệ Tĩnh.

❖ **Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa lò và Xí Nghiệp xếp dỡ Bến Thủy**

- Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản, lưu kho bãi hàng hóa, lai dắt hỗ trợ tàu biển và một số dịch vụ hàng hải.
- Quản lý nhân lực, phương tiện thủy, bộ, máy móc thiết bị xếp dỡ, công cụ mang hàng, kho tàng bến bãi, cầu tàu, nhà cửa … đã được trang bị.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 09/10/2017

TT	Tên cổ đông	Số CMTND /HC/GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	0100104595	Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.973.772	51%
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	0303898093	362/14, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	4.594.156	21,35%
3	Ông Bùi Ngọc Yên	311820277	85/6B Lê Thị Hồng Gấm Phường 6, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	2.313.101	10,75%
Tổng cộng				**17.881.029**	**83,10%**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/10/2017 do VSD cung cấp

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 09/10/2017

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**537**	**21.517.200**	**215.172.000.000**	**100%**
	Cá nhân	534	5.303.756	53.037.560.000	24,65%
	Tổ chức	3	16.213.444	162.134.440.000	75,35%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Cá nhân	-	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-	-
3	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Tổng	**537**	**21.517.200**	**215.172.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/10/2017 do VSD cung cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cảng Nghệ Tĩnh; những công ty do Cảng Nghệ Tĩnh nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

5.1. Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cảng Nghệ Tĩnh

- Tên công ty: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
- Địa chỉ: Số 01 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Giấy CNĐKKD: Số 0100104595 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 04 tháng 04 năm 2014
- Điện thoại: 024 35770825 Fax: 024 35770850
- Website: http://vinalines.com.vn/
- Vốn điều lệ: 10.693.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải đường biển; Kinh doanh vận tải đường thủy; Kinh doanh vận tải đường bộ; Dịch vụ vận tải đa phương thức; Dịch vụ Logistics; Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ Hàng hải; Cung ứng tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy; Khai thác cảng biển, cảng sông; Sửa chữa phương tiện vận tải biển.
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại Cảng Nghệ Tĩnh: 10.973.772 cổ phần (chiếm 51% vốn điều lệ Cảng Nghệ Tĩnh)

5.2. Công ty con và những công ty do Cảng Nghệ Tĩnh nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại khu vực Cửa Lò và khu vực Bến Thủy bao gồm: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa; Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ; Xây dựng và sửa chữa công trình cảng. Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ tại khu vực Cửa Lò luôn chiếm tỷ trọng lớn (hơn 90% doanh thu cả Công ty).

Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng

Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa

Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan

Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển

Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển

Xây dựng và sửa chữa công trình cảng

Một số hình ảnh về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 7: Sản lượng hàng hóa thông qua và bốc xếp

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	% cơ cấu	Năm 2015	% cơ cấu	Năm 2016	% cơ cấu	9 tháng năm 2017	% cơ cấu
1	**Tổng sản lượng hàng hóa thông qua (tấn)**	**2.776.964**	**100%**	**3.075.828**	**100%**	**3.135.303**	**100%**	**2.622.352**	**100%**
1.1	*Hàng xuất khẩu (tấn)*	*1.122.530*	*40,42%*	*1.106.118*	*35,96%*	*963.670*	*30,74%*	*825.590*	*31,48%*
1.2	*Hàng nhập khẩu (tấn)*	*109.927*	*3,96%*	*147.841*	*4,81%*	*115.689*	*3,69%*	*83.935*	*3,2%*
1.3	*Hàng quá cảnh (tấn)*			*151.007*	*4,91%*	*129.287*	*4,12%*	*87.826*	*3,35%*
1.4	*Hàng nội địa (tấn)*	*1.544.507*	*55,62%*	*1.670.862*	*54,32%*	*1.926.657*	*61,45%*	*1.625.001*	*61,97%*
2	**Tổng sản lượng hàng hóa bốc xếp (tấn)**	**4.475.301**	**100%**	**5.161.709**	**100%**	**3.376.410**	**100%**	**4.512.125**	**100%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

TT	Chỉ tiêu	1/1/2015 – 31/3/2015		1/4/2015 – 31/12/2015		Năm 2016		9 tháng năm 2017	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)

1	Thu bốc xếp	24.822	61,8%	102.515	75,92%	127.826	77,86%	86.471	72,8%
2	Thu kho bãi	4.284	10,7%	21.211	15,71%	21.318	12,98%	10.416	8,8%
3	Các dịch vụ hỗ trợ cảng biển khác	11.057	27,5%	11.312	8,38%	15.031	9,16%	21.956	18,4%
	Tổng	**40.163**	**100%**	**135.038**	**100%**	**164.175**	**100%**	**121.894**	**100%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

(*) Lưu ý: Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ 01/4/2015 nên số liệu năm 2015 chia thành 02 giai đoạn: Công ty TNHH MTV (từ 01/01/2015 đến 31/03/2015) và Công ty cổ phần (từ 01/04/2015 đến 31/12/2015) .

Doanh thu thuần của Công ty đến trực tiếp từ các dịch vụ bốc xếp, kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ cảng biển khác, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là dịch vụ bốc xếp. Trong các năm qua, doanh thu thuần từ hoạt động bốc xếp tăng cả về giá trị và tỷ trọng: từ mức 127,34 tỷ đồng chiếm 72,68% doanh thu thuần năm 2015, tăng lên mức 127,83 tỷ đồng chiếm 77,86% doanh thu thuần năm 2016.

Doanh thu kho bãi có dấu hiệu giảm cả về giá trị và tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu: Năm 2015, doanh thu từ kho bãi đạt 25,49 tỷ đồng, chiếm 14,6% doanh thu thuần. Sang năm 2016, doanh thu kho bãi đạt 21,3 tỷ đồng, chiếm 12,98% doanh thu thuần. 9 tháng đầu năm 2017, doanh thu kho bãi chỉ còn 10,4 tỷ đồng, chiếm 8,8% doanh thu thuần.

Các dịch vụ hỗ trợ cảng biển bao gồm: Dịch vụ cầu bến; Ủy thác giao nhận; Buộc cởi dây; Dịch vụ xe máy, cẩu… Năm 2016, doanh thu từ hoạt động này chỉ đạt hơn 15 tỷ đồng, giảm 32,8% so với năm 2015 và chỉ chiếm 9,16% doanh thu thuần. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm này cơ cấu nguồn hàng thay đổi nên một số khách hàng chuyển sang sử dụng cẩu tàu thay vì cẩu bờ do cảng cung cấp. Việc này tác động đến nguồn thu của dịch vụ xe máy, cẩu là dịch vụ chiếm tỷ trọng về doanh thu cao nhất (trên 60%) trong các dịch vụ hỗ trợ cảng biển. Tuy nhiên sang 9 tháng đầu năm 2017, doanh thu từ các dịch vụ hỗ trợ cảng biển đã tăng trở lại, đạt hơn 21,9 tỷ đồng, chiếm 18,4% tổng doanh thu thuần của Công ty.

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp

TT	Chỉ tiêu	1/1/2015 – 31/3/2015		1/4/2015 – 31/12/2015		Năm 2016		9 tháng năm 2017	
		Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT
1	Thu bốc xếp	5.813	14,5%	21.679	16,1%	25.874	15,8%	17.641	14,8%
2	Thu kho bãi	993	2,5%	5.049	3,7%	6.283	3,8%	2.520	2,1%
3	Các dịch vụ hỗ trợ cảng biển khác	2.979	7,4%	2.968	2,2%	4.797	2,9%	7.840	6,6%
	Tổng	**9.785**		**29.696**		**36.954**		**28.001**	

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Nhìn chung dịch vụ đem lại lợi nhuận chủ yếu cho công ty là Dịch vụ thu bốc xếp, đây là dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lợi nhuận gộp của các dịch vụ của Cảng. Trong khi đó tỷ lệ lợi nhuận của dịch vụ bốc xếp so với doanh thu thuần cũng chiếm tỷ lệ cao nhất trong các cơ cấu dịch vụ như: quí 1 năm 2015 chiếm 14,5%%; 9 tháng năm 2015 chiếm 16,1%; năm 2016 là 15,8%; 9 tháng đầu năm 2017 là 14,8 63%.

Trong những năm qua công ty luôn chú trọng vào đầu tư chiều sâu, đặc biệt là các thiết bị xếp dỡ tiên tiến để nâng cao năng lực xếp dỡ. Bên cạnh đó các dịch vụ hỗ trợ cảng biển như cầu bến, lai dắt, phí cẩu bờ cũng đem lại giá trị lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Sau cổ phần hóa công ty tập trung tái cơ cấu lại lao động, bố trí lao động hợp lý, các nhân viên trực tiếp được cử đi đào tạo tại các cảng như Hải phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng.. để tiếp thu các kinh nghiệm điều hành trực tiếp. Thông qua đó năng suất xếp dỡ hàng hóa cao, giảm giá thành sản xuất làm cho lợi nhuận tăng đều qua các năm.

6.2. Nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động của Công ty sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào chính là dầu, dây cáp, vật tư phụ tùng thay thế và điện năng. Chi phí nguyên vật liệu chiếm xấp xỉ 10% trong chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn nhưng sự biến động về giá cả nguyên vật liệu như xăng dầu …và các nguyên vật liệu khác trong thời gian gần đây có ảnh hưởng tới tổng chi phí của Công ty.

Các phụ tùng thay thế như: Dây cáp cần cẩu; ắc quy; săm lốp ô tô, cần cẩu, máy xúc và các thiết bị khác được cân đối giữa việc ký hợp đồng dài hạn nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đấu thầu chào giá cạnh tranh để đàm phán mức chi phí hợp lý.

- **Sự ổn định của nhà cung cấp nguyên vật liệu**

Các nguồn nguyên vật liệu được cung cấp từ các nhà cung cấp trong nước, Công ty cũng đã có thời gian hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp này nên nguồn nguyên vật liệu đầu vào được đảm bảo ổn định về số lượng và chất lượng.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới lợi nhuận**

Sự biến động của giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng tới chi phí, từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế các tác động tiêu cực của giá cả, công ty đã thực hiện ký các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp. Bên cạnh đó, việc ký hợp đồng dài hạn cho phép công ty lập được các kế hoạch dài hạn, đảm bảo ổn định sản xuất.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 10: Chi phí sản xuất qua các năm

TT	Chỉ tiêu	1/1/2015 – 31/3/2015		1/4/2015 – 31/12/2015		Năm 2016		9 tháng năm 2017	
		Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	30.378	75,64%	105.342	78,01%	127.222	77,49%	90.843	76,44%
2	Chi phi tài chính	5	0,01%	-	-	-	-	350	0,29%
3	Chi phí QLDN	4.599	11,45%	15.477	11,46%	16.841	10,26%	12.136	10,21%
	Tổng chi phí	**34.982**	**87,1%**	**120.819**	**89,47%**	**144.063**	**87,75%**	**103.330**	**86,95%**

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015 – 31/3/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 & BCTC tự lập Quý III/2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

Tỷ trọng tổng chi phí sản xuất trên doanh thu thuần có xu hướng giảm nhẹ qua các năm, từ bình quân 88,93% năm 2015 xuống còn 87,75% năm 2016 và 86,95% 09 tháng đầu năm 2017.

Xét cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất (khoảng hơn 77% doanh thu thuần năm 2015, 2016) và có xu hướng giảm nhẹ trong 9 tháng đầu năm 2017 do Công ty đẩy mạnh công tác quản lý chi phí đầu vào. Tuy vậy tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của Công ty còn cao và không có tính cạnh tranh nếu so với các doanh nghiệp cùng ngành. Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần trong năm 2016 của một số doanh nghiệp đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán như sau: CTCP Cảng Cát Lái (60,93%), DVP (50,89%), PDN (68,19%), VGP (61,3%)…

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tương đối ổn định qua các năm cả về giá trị và tỷ trọng trên doanh thu thuần, ngoại trừ năm 2015 chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do đây là năm doanh nghiệp tiến hành công tác cổ phần hóa, các chi phí về lễ nghi, khánh tiết tăng mạnh so với các năm. Đặc biệt trong năm 2015 Cảng Nghệ Tĩnh tổ chức long trọng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty.

Ngoài ra, chi phí tài chính của Công ty không đáng kể do Công ty ít sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.4. Trình độ công nghệ

Đối với hoạt động dịch vụ cầu cảng, hệ thống máy móc chuyên dụng phục vụ vận tải xếp dỡ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ. Nhận thức được điều này, Công ty đã trang bị hệ thống máy móc đầy đủ nhằm tăng năng suất, giảm thời gian giải phóng tàu, qua đó tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và khách hàng.

- **Luồng vào cảng:**

Bảng 11: Luồng vào cảng

TT	Chỉ tiêu	Xí Nghiệp Xếp Dỡ Cửa Lò	Xí Nghiệp Xếp Dỡ Bến Thủy
1	Tổng chiều dài	4 km	27 km
2	Độ sâu luồng theo thiết kế	- 5,5 mét	- 2,5 mét
3	Chế độ thủy triều	Bán nhật triều	Bán nhật triều
4	Chênh lệch b/q	2,5 mét	2,5 mét
5	Mớn nước cao nhất cho tàu ra vào theo thiết kế	- 7,5 mét	- 5,5 mét
6	Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được	10.000 DWT	2.500 DWT

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

- **Cầu bến:**

Bảng 12: Cầu bến

TT	Tên/Số hiệu	Dài	Độ sâu	Loại tàu/hàng
1	Số 1 Cửa Lò	160m	- 7,5m	10.000 DWT

TT	Tên/Số hiệu	Dài	Độ sâu	Loại tàu/hàng
2	Số 2 Cửa Lò	160m	- 7,5m	10.000 DWT
3	Số 3 Cửa Lò	168m	- 7,5m	10.000 DWT
4	Số 4 Cửa Lò	168m	- 7,5m	10.000 DWT
5	Số 1 Bến Thủy	30m	- 4,5m	2.500 DWT
6	Số 3 Bến Thủy	30m	- 4,5m	2.500 DWT
7	Số 6 Bến Thủy	60m	- 4,5m	2.500 DWT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh)

❖ **Kho bãi**

- Tổng diện tích mặt bằng cảng : 227.800 m2
- Kho: 22.000 m2, trong đó kho CFS : 3.000 m2
- Bãi: 180.000m2, trong đó bãi chứa container : 17.930 m2; Bồn: 6.500 m2

❖ **Thiết bị chính**

Bảng 13: Danh mục thiết bị chính

TT	Loại/kiểu	Số lượng	Sức nâng/tải/công suất
1	Cần trục chân đế	2	40 tấn
2	Cẩu bánh lốp	1	100 tấn
3	Cẩu hạng nặng	1	130 tấn
4	Cẩu bánh xích hạng trung	3	50 - 60 tấn
5	Cẩu hạng thường	10	16 - 36 tấn
6	Máy xúc đào Hitachi	1	0,45 m3
7	Băng chuyền hàng bao	4	
8	Máy xúc lật	10	1,2 - 3,4 m3
9	Máy ủi Komatsu	1	
10	Máy nâng nhỏ	2	2,5 T
11	Máy nâng container	2	7 - 18T
12	Đầu kéo	9	6 tấn
13	Ô tô các loại	10	5 - 30 tấn
14	Khung chụp container	4	32 -40 tấn
15	Mooc chở hàng	14	6 - 12 tấn
16	Gàu ngoạm	13	0,8 - 4,5 m3
17	Gàu xúc đá hộc	5	3,2 m3
18	Tàu lai	3	300 - 850 CV
19	Máy phát điện	2	250 - 800/900 KVA
20	Cân điện tử	3	80 - 150 tấn

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Khu bến Cảng Cửa Lò có vùng hấp dẫn rộng lớn là toàn tỉnh Nghệ An và các vùng lân cận, đặc biệt là khu kinh tế Đông Nam, khu công nghiệp Hoàng Mai, khu công nghiệp Đông Hồi và một số cụm công nghiệp tập trung khác, cũng như thu hút và đáp ứng nhu cầu vận tải biển từ nước bạn Lào. Căn cứ nhu cầu bốc xếp, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như nội địa của các khách hàng thông qua kết quả phân tích và tổng hợp các kết quả dự báo sản lượng hàng hóa, xu hướng phát triển của đội tàu trên thế giới, Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu phát triển cảng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Công ty xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại là điểm mấu chốt. Đặc biệt, Công ty luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực trình độ cho người lao động, tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của Cảng.

Dự án đầu tư nâng cấp luồng cho tàu biển 10.000 DWT đầy tải vào Cảng Cửa Lò

Luồng tàu ra vào Cảng Cửa Lò được thiết kế -5,5 mét để khai thác cảng với công suất 1,4 triệu tấn/năm, tuy nhiên hiện nay lượng hàng thông qua cảng đã đạt 2,7 - 2,8 triệu tấn/năm. Do vậy, để tiếp nhận các tàu cỡ lớn nhằm nâng cao khả năng đáp ứng của cảng, nhu cầu vận chuyển hàng hóa của khách hàng, giảm thiểu tình trạng ách tắc cầu bến và hàng hóa, ngày 27/09/2014, Nhà nước đã khởi công dự án đầu tư nâng cấp luồng cho tàu biển 10.000 DWT đầy tải vào Cảng Cửa Lò theo Quyết định số 256/QĐ-CHHVN ngày 29/04/2014 của Cục hàng hải Việt Nam. Dự án đã hoàn thành vào ngày tháng 6/2016 với các thông số như sau:

- Chiều rộng luồng tại đáy nạo vét: 100m
- Chiều sâu chạy tàu: 9,3m
- Mực nước chạy tàu: +2,5m
- Cao độ đáy chạy tàu: -6,8m
- Dự phòng sa bồi luồng tàu: 0,4m
- Cao độ đáy nạo vét: -7,2m
- Bán kính cong: 800m
- Mái dốc nạo vét: m=10;7;1
- Đường kính khu quay trở: 187m
- Cao độ đáy khu quay trở: -7,2m

Hiện nay, Công ty đang điều tra thị trường và đàm phán với các bên để tiến hành mở tuyến vận tải container quốc tế từ Cảng Cửa Lò - Cảng Nghệ Tĩnh. Việc mở tuyến vận tải mới này sẽ góp phần giải quyết bài toán vận tải hàng hóa bằng đường bộ cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các vùng lân cận (do Nhà nước hiện nay đang tăng cường quản lý xe quá tải, quá khổ). Mặt khác, việc này sẽ góp phần tăng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua cảng Cửa Lò.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ tại cảng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong công vác vận chuyển, lưu kho hàng hóa.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Vấn đề chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Hiện nay, Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 với mục tiêu "Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả". Việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 sẽ giúp Công ty thiết lập được các quy trình chuẩn để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phân định rõ việc, rõ người trong quản lý, điều hành công việc.

Hệ thống quản lý chất lượng sẽ giúp CBNV thực hiện công việc đúng ngay từ đầu và thường xuyên cải tiến công việc thông qua các hoạt động theo dõi và giám sát. Một hệ thống quản lý chất lượng tốt không những giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sự thỏa mãn của khách hàng mà còn giúp đào tạo cho nhân viên mới tiếp cận công việc nhanh chóng hơn.

Phòng Kế hoạch Kinh doanh 06 tháng 1 lần gửi phiếu thăm dò ý kiến phản hồi từ khách hàng về sản phẩm cung cấp dịch vụ của cảng làm cơ sở nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ

6.7. Hoạt động Marketing

Cảng Nghệ Tĩnh là cảng tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực, hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh được tổ chức trên địa bàn rộng lớn, đa dạng bao gồm hai khu vực Cửa Lò và Bến Thuỷ với hơn 800m cầu Cảng cùng nhiều thiết bị xếp dỡ tiên tiến, hệ thống kho bãi hiện đại với đội ngũ công nhân chuyên nghiệp.

Cảng Nghệ Tĩnh đang từng bước vươn lên hội nhập kinh tế quốc tế đáp ứng tốt nhất cho quá trình giao thương hàng hoá trong khu vực và các nước trên thế giới, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế ở địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào. Nắm bắt được tầm quan trọng về vị trí địa lý của mình, Công ty tích cực quảng bá hình ảnh của Cảng Nghệ Tĩnh đến với khách hàng trong và ngoài nước. Cảng thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho chủ tàu, chủ hàng cũ, đồng thời chủ động tìm kiếm khách hàng mới. Trong tương lai, Công ty tiếp tục thâm nhập thị trường truyền thống, tăng cường công tác nghiên cứu, khảo sát thị trường mới (Lào) về các mặt hàng quặng, thạch cao và một số mặt hàng khoáng sản khác….

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động thu hút hàng hoá, đặc biệt là thị trường hàng hoá nội địa; chủ động tìm kiếm khách hàng mới, Cảng Nghệ Tĩnh còn tăng cường phát huy nội lực, liên tục đầu tư nhiều phương tiện, thiết bị mới, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đảm bảo an toàn hàng hoá cho khách hàng. Công ty cũng tiếp tục cải tiến, tinh giảm các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp cho quá trình quản lý, điều hành sản xuất được chặt chẽ, thông suốt, giữ vững uy tín đối với khách hàng.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty hiện đang sử dụng logo nhưng chưa được cấp đăng ký nhãn hiệu thương mại.

Logo của Công ty hiện nay:

NGHETINHPORT

6.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 14: Các Hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Đối tác	Mặt hàng	Thời gian thực hiện	Sản lượng (tấn)	Giá trị (trđ)
1.	CTCP Việt Nhật	Cont	01/01/2017 đến 31/12/2017	650.000	18.710
2.	CTCP Vận tải biển GLS	Cont	01/01/2017 đến 31/12/2017	500.000	13.609
3.	CTCP Xi măng Sông Lam	Klinke, xi măng rời, than	01/01/2017 đến 31/12/2017	478.000	15.594
4.	Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Nghệ An	Gỗ dăm	01/01/2017 đến 31/12/2017	320.000	12.212
5.	Công ty TNHH Khoáng sản Omya Việt Nam	Đá hộc	01/01/2017 đến 31/12/2017	190.000	9.755
6.	Công ty TNHH Khoáng sản Tín Hoằng	Đá hộc	01/01/2017 đến 31/12/2017	120.000	7.040
7.	C/ty TNHH liên doanh nguyên liệu giấy NA PP	Gỗ dăm	01/01/2017 đến 31/12/2017	110.000	4.762
8.	C/ty cổ phần XL và TMTH Lam Hồng	Than	01/01/2017 đến 31/12/2017	90.000	4.557
9.	CTCP Vận tải Itraco	Kaly bịch	01/01/2017 đến 31/12/2017	65.000	7.792
10.	CTCP Phân bốn & HC Dầu khí Miền Bắc	Phân bao	01/01/2017 đến 31/12/2017	62.000	6.258
11.	Công ty TNHH ĐTTMVT Thái Dương	Kaly bịch	01/01/2017 đến 31/12/2017	60.000	5.220
12.	Công ty CP Khoáng sản Namico	Đá trắng các loại	01/01/2016 đến 31/12/2016	45.569	3.069
13.	Công ty CP Xây lắp và Thương mại Tổng hợp Lam Hồng	Than	01/01/2016 đến 31/12/2016	64.461	3.943
14.	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vận tải Thái Dương	Kaly	01/01/2016 đến 31/12/2016	46.314	2.790
15.	Công ty Khai thác Đá vôi YABASHI Việt Nam	Đá trắng các loại	01/04/2016 đến 31/03/2016	50.485	3.696
16.	Công ty Cổ phần Nhật Việt	Cont	01/01/2016 đến 31/12/2016	652.008	22.163
17.	Công ty Cổ phần TM & VTB Đại Tây Dương	Cont	01/01/2016 đến 31/12/2016	418.579	14.532
18.	Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	Gỗ dăm	01/01/2016 đến 31/12/2016	312.742	9.446
19.	Công ty TNHH Trường An	Than, Klinker	01/01/2016 đến 31/12/2016	205.180	8.630
20.	Công ty OMYA Việt Nam	Đá trắng các loại	01/01/2016 đến 31/12/2016	160.458	6.548
21.	Công ty TNHH Khoáng sản Tín Hoằng	Đá trắng các loại	01/01/2016 đến 31/12/2016	97.322	6.150
22.	Công ty TNHH LD Nguyên Liệu Giấy Nghệ An	Gỗ dăm	01/01/2016 đến 31/12/2016	122.521	4.407
23.	Công ty CP Vận tải Traco1	Kaly	01/01/2016 đến	66.781	8.249

Stt	Đối tác	Mặt hàng	Thời gian thực hiện	Sản lượng (tấn)	Giá trị (trđ)
			31/12/2016		
24.	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền bắc	Phân bón	01/01/2016 đến 31/12/2016	52.117	5.839
25.	Công ty CP đá và khoáng sản Phủ Quỳ	Đá trắng các loại	01/01/2016 đến 31/12/2016	72.483	4.633

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm gần nhất

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	*Năm 2015*		*Năm 2016 (CTCP)*	*9 tháng đầu 2017*
	01/01/2015 - 31/03/2015 (giai đoạn Công ty TNHH)	*01/04/2015- 31/12/2015 (CTCP)*		
1. Tổng giá trị tài sản	240.814	264.957	260.952	271.579
2. Vốn chủ sở hữu	215.172	227.896	235.094	230.182
3. Doanh thu thuần	40.163	135.038	164.176	118.845
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.475	15.654	22.840	17.285
5. Lợi nhuận khác	353	708	2.058	1.143
6. Lợi nhuận trước thuế	5.829	16.362	24.898	18.428
7. Lợi nhuận sau thuế	4.546	12.724	19.866	14.851
8. Tỷ lệ lợi nhuận để trả cổ tức	N/A	85%	84,5%	-
9. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	2,11%	5,58%	8,45%	6,45%
10. Giá trị sổ sách/cổ phần	N/A	10.591	10.926	10.698

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

Vấn đề lưu ý tại BCTC năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh:

Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tại ngày 31 tháng 3 năm 2015. Số liệu trình bày trên cột so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Mặc dù năm 2016 doanh thu thuần của Công ty giảm khoảng 6,3% so với năm 2015 do ảnh hưởng của chính sách Nhà nước về xuất khẩu đối với mặt hàng khoáng sản. Tuy nhiên tổng lợi nhuận trước thuế của năm 2016 tăng hơn 12% so với năm 2015 do:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 giảm 3,2 tỷ đồng (tương đương giảm hơn 16%);
- Trong khi đó, doanh thu tài chính năm 2016 tăng so với 2015 do năm 2016 Công ty có nhiều khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hơn so với năm 2015. ;
- Thu nhập khác tăng chủ yếu do Công ty tiến hành đánh giá lại 03 tàu lai dắt dùng để đưa đi góp vốn tại Công ty liên kết (Công ty CP lai dắt và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò). Căn cứ Chứng thư thẩm định giá của đơn vị đánh giá là Công ty CP Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam và giá trị còn lại của các tài sản trên, Công ty đã hạch toán phần lãi do đánh giá lại tài sản vào thu nhập khác năm 2016 với số tiền hơn 1,1 tỷ đồng.

8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ **Yếu tố thuận lợi:**

- Đảng ủy, Ban Lãnh đạo, Công đoàn Công ty và các đơn vị trực thuộc quyết tâm đổi mới, đoàn kết khắc phục khó khăn, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của Nhà nước và ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngoài ra, Công ty được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Tập thể người lao động trong toàn Công ty ngày càng đoàn kết, tự tin. Hầu hết CBCNV đều phấn khởi trước những thành công mà Công ty đã đạt được trong suốt những năm vừa qua và nhiệt tình ủng hộ chủ trương cổ phần hóa của Công ty.
- Luồng vào cảng Cửa Lò đã được nâng cấp với độ sâu từ -5,5 m xuống -7.2 m, tạo điều kiện thuận lợi cho các tàu hàng ra vào cảng.
- Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị của Cảng đang được bổ sung và hoàn thành đi vào hoạt động góp phần nâng cao năng lực khai thác cảng và tạo ra bước phát triển mới.
- Công ty luôn duy trì và giữ vững được khách hàng truyền thống có sản lượng hàng hoá thông qua Cảng của Công ty cao và ổn định.
- Tình hình tài chính lành mạnh do Công ty không sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn.
- GDP của Tỉnh Nghệ An và khu vực như Thanh Hóa, Hà Tĩnh dự kiến tăng trưởng bình quân từ 8% - 10% và trở thành vùng hậu phương hàng hóa tốt, nhiều tiềm năng phát triển;
- Xu hướng container hóa cao (là việc sử dụng rộng rãi container theo tiêu chuẩn ISO) do thay đổi cơ cấu mặt hàng thông qua Cảng;
- Nền kinh tế hội nhập sâu rộng, chính sách chế độ thay đổi có lợi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 05/07/2016 tiếp tục cho các doanh nghiệp xuất khẩu Đá trắng từ ngày 20/08/2016, trước đó việc xuất khẩu này đã bị dừng từ 1/1/2016. Bên cạnh đó, trong năm 2016, Công ty đã duy trì giá cước cạnh tranh với các công ty xuất khẩu nên dự kiến từ năm 2017 sản lượng mặt hàng đá thông qua Cảng sẽ tăng trưởng trở lại.
- Dự án Nhà máy xi măng Sông Lam của Tập đoàn Vissai đã và đang đi vào hoạt động làm tăng sản lượng hàng Clinker, Than và Thiết bị thông qua cảng. Các nhà máy chế biến thức ăn gia súc trên địa bàn bắt đầu hoạt động đủ công suất đã nhập nguyên liệu thông qua cảng nhiều hơn; Tiêu thị hàng lỏng (Gas Dầu thực vật, Nhựa đường …) tăng làm tăng lượng hàng lỏng nhập qua cảng.

❖ **Những khó khăn, tồn tại**

- Luồng tàu ra vào Cảng Cửa Lò, Cảng Bến Thủy thường xuyên bị bồi lắng ảnh hưởng trực tiếp đến cỡ tàu cảng tiếp nhận và làm tăng chi phí giá thành xếp dỡ hàng hóa.
- Khu vực cầu cảng Cửa Lò thường xuyên bị tàu cá của ngư dân chiếm dụng neo đậu, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn hàng hải và hiệu quả khai thác của Cảng.
- Lực lượng lao động trong toàn Công ty tuy đã được trẻ hóa nhưng chất lượng lao động không đồng đều. Một số lao động chưa đáp ứng được công việc được giao nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh lĩnh vực Cảng trong khu vực như cụm Cảng Nghi Sơn và cảng Vũng Áng Việt Lào. Chi phí sản xuất lớn nhưng giá cước phải cạnh tranh với các cảng trong khu vực nên Công ty gặp khó khăn trong việc tăng doanh thu, nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư vào sản xuất.
- Khu vực miền Trung là khu vực kinh tế chậm phát triển hơn so với miền Bắc, miền Nam; quy mô thị trường hẹp, thu hút đầu tư ít, chưa có mặt hàng truyền thống nên sản lượng hàng hóa hàng năm thông qua các cảng trong khu vực tăng không đáng kể.
- Giá cả nhiên liệu, điện năng, vật tư, thiết bị luôn biến động và có chiều hướng gia tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Cảng.
- Bộ Công Thương tạm dừng xuất thô khoáng sản từ 1/1/2016 đến ngày 20/08/2016 mới cho xuất khẩu tiếp.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ **Vị thế của công ty trong ngành**

Nghệ An là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Bắc Trung Bộ, giáp tỉnh Thanh Hóa ở phía Bắc, tỉnh Hà Tĩnh ở phía Nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở phía Tây với 419 km đường biên giới trên bộ; bờ biển ở phía Đông dài 82 km. Vị trí này tạo cho Nghệ An có vai trò quan trọng trong đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội Bắc - Nam, xây dựng và phát triển kinh tế biển, kinh tế đối ngoại và mở rộng hợp tác quốc tế với các nước khác trong khu vực, nhất là các nước Lào, Thái Lan và Trung Quốc, là điều kiện thuận lợi để kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Với vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào, vùng Đông Bắc Thái Lan, Cảng Nghệ Tĩnh không ngừng nỗ lực đầu tư phát triển hạ tầng, nâng cấp kho bãi cũng như hiện đại hóa dịch vụ và con người để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, dần trở thành đầu mối then chốt cho sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng địa phương và khu vực.

Là cảng tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực, hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh trên địa bàn rộng lớn, đa dạng, bao gồm 2 khu vực Cửa Lò và Bến Thuỷ với hơn 800m cầu Cảng cùng nhiều thiết bị xếp dỡ tiên tiến, hệ thống kho bãi hiện đại và đội ngũ công nhân chuyên nghiệp, Cảng Nghệ Tĩnh đã tạo dựng được một vị thế vững chắc trong ngành vận tải, cảng biển, từng bước vươn lên hội nhập quốc tế đáp ứng tốt nhất cho quá trình giao thương hàng hoá trong khu vực và các nước trên thế giới, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế ở địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Nghị quyết 26/TW ngày 30/07/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

- **Triển vọng phát triển của ngành**

Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã có quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Mục tiêu phát triển kinh tế biển đến năm 2020: kinh tế biển và vùng kinh tế biển đóng góp khoảng 53 – 55% tổng GDP cả nước, trong đó ngành hàng hải có vị trí hàng đầu.

Phát triển kinh tế vận tải biển: tập trung đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả đội tàu biển Việt Nam theo hướng trẻ hoá, hiện đại hoá và chuyên dụng hoá, đặc biệt là tàu hàng rời, tàu container, tàu hàng lỏng và tàu khách để đến năm 2020 tổng trọng tải đạt trên 100.000 tấn; Đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách trong nước, với mục tiêu đến năm 2020 đạt trên 45% tổng sản lượng hàng hoá vận chuyển trong nước; Tham gia hiệu quả thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới theo hướng tăng mạnh sản lượng vận tải quốc tế, tăng thị phần nhằm đảm bảo hợp lý lợi ích kinh tế vận tải ngoại thương để đến năm 2020 đạt trên 35% tổng sản lượng vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

Phát triển kinh tế khai thác cảng biển: đẩy mạnh phát triển kinh tế khai thác cảng biển đầu mối tại những vùng kinh tế trọng điểm: Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ; các cảng, bến cảng, cầu cảng chuyên dụng tại những khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên đảo và cảng trung chuyển quốc tế. Đảm bảo năng lực hàng hoá thông qua đạt trên 700 triệu tấn vào năm 2020; Phát triển nhanh, đồng bộ, đủ năng lực cạnh tranh đối với các loại hình dịch vụ hỗ trợ khai thác cảng biển với mục tiêu đến năm 2020 chiếm trên 60% tổng doanh thu của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển của cả nước.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng và mở rộng các hình thức đào tạo, huấn luyện nguồn nhân lực hàng hải theo hướng bảo đảm cân đối giữa đào tạo lý thuyết với huấn luyện thực hành. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo huấn luyện nhằm đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển và kinh tế hàng hải nói riêng.

Bên cạnh đó, trong lần rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Bộ Giao thông vận tải vẫn xác định sẽ tập trung phát triển hệ thống cảng biển, nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống. Theo dự kiến, đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống cảng biển và luồng vào cảng, tiếp tục chú trọng nâng cấp các cảng hiện có nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về chất lượng và lạc hậu về khoa học công nghệ.

- **So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Bảng 16: Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên công ty	Mã	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu	LNST	ROE (%)	ROA (%)
CTCP Cảng Cát Lái	CLL	340.000	673.841	576.074	287.702	81.277	14,36%	11,69%
CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	DVP	400.000	1.069.737	913.478	652.120	286.807	30,96%	26,25%
CTCP Cảng Đồng Nai	PDN	123.480	732.126	373.419	421.917	65.987	18,63%	9,59%
CTCP Cảng Rau quả	VGP	82.147	169.970	160.927	40.499	14.897	4,5%	4,29%
CTCP Cảng Đoạn Xá	DXP	236.247	331.175	310.842	106.429	39.459	13,48%	12,27%
CTCP Tập đoàn Container Việt Nam	VSC	455.571	1.469.629	1.302.969	483.246	213.723	17,06%	10,87%
CTCP Cảng Nghệ Tĩnh	**NAP**	**215.172**	**260.952**	**235.094**	**164.176**	**19.866**	**8,58%**	**7,55%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của các doanh nghiệp được công bố trên website http://hnx.vn/ và http://www.hsx.vn

Chỉ số ROE và ROA của NAP được đánh giá là thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành được so sánh theo bảng ở trên.

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Việt Nam là quốc gia biển, với bờ biển dài hơn 2000km, đất nước với hình thế kéo dài, rất thuận tiện cho vận tải hàng hóa bằng đường biển. Khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc đang chiếm tỷ lệ rất lớn, ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong những năm qua, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, ngành vận tải biển cũng có những bước phát triển vượt bậc, với đội tàu biển ngày càng hùng hậu, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Cảng Nghệ Tĩnh nói riêng vươn lên.

Ngoài ra, Cảng Nghệ Tĩnh sẽ tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực để mở rộng khả năng khai thác cảng do các cảng tư nhân trong khu vực hiện nay vẫn còn chưa đủ đáp ứng nhu cầu. Như vậy, có thể nói các kế hoạch đầu tư, mở rộng của Cảng Nghệ Tĩnh là phù hợp với dự báo tăng trưởng kinh tế, giao thương trong tương lai và phù hợp với định hướng phát triển cảng biển đã được Chính phủ phê duyệt.

10. Chính sách đối với người lao động:

- **Cơ cấu lao động của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh như sau:**

Bảng 17: Cơ cấu lao động

TT	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động tại 30/06/2017	Tỷ trọng (%)
I	**Phân theo trình độ**	**504**	**100%**
1.	Trình độ đại học và trên đại học	115	22,8%
2.	Trình độ cao đẳng, trung cấp	56	11,1%
3.	Công nhân kỹ thuật	84	16,7%
4.	Lao động phổ thông	249	49,4%
II	**Phân theo tính chất hợp đồng lao động**	**504**	**100%**
1.	Lao động không ký hợp đồng lao động	0	-
2.	Lao động không xác định thời hạn	468	92,9%
3.	Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm	36	7,1%
4.	Lao động thời vụ dưới 1 năm	0	-
	Tổng số lao động	**504**	**100%**

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

- **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

Đối với doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố nguồn nhân lực có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Nhận thức được điều đó, Cảng Nghệ Tĩnh luôn chú trọng quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, đào tạo nguồn nhân công lao động trực tiếp.

Hàng năm Công ty tổ chức các khóa đào tạo các cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cũng như chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty. Ngoài ra, để khuyến khích nâng cao tinh thần làm việc của người lao động, Cảng Nghệ Tĩnh luôn chú trọng tới đời sống cán bộ, công nhân viên, luôn cải tạo điều kiện làm việc nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc thân thiện, gắn bó và hiệu quả.

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

- Năm 2014: 8.500.000 đồng/1 người/1tháng
- Năm 2015: 9.100.000 đồng/1 người/1tháng
- Năm 2016: 9.500.000 đồng/1 người/1tháng
- Lương trung bình 11 tháng 2017: 10.500.000 đồng/1 người/tháng

Mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức tương đương so với các doanh nghiệp cùng ngành và ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng địa bàn

11. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động CTCP Cảng Nghệ Tĩnh. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức	Ghi chú
Năm 2015	5%	Tiền mặt	Đã chi trả
Năm 2016	7,85%	Tiền mặt	Đã chi trả
Năm 2017	Dự kiến 8,0%	Tiền mặt	Chưa chi trả

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06-25
Máy móc và thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-08
Phần mềm kế toán	05

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Tính đến nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước luôn được Công ty nộp đầy đủ và nghiêm túc theo quy định của Nhà nước.

Bảng 18: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Thuế GTGT	413	1.045	86
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.504	1.411	1.369
Thuế nhà đất	-	-	513
Các loại thuế khác	12	-	21
Các khoản phải nộp khác	5	-	-
Tổng cộng	**1.933**	**2.456**	**1.989**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty

- **Trích lập các quỹ**

Tại cuộc họp thường niên, dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của Công ty sẽ quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, trong đó có phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ.

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản luật hiện hành.

Bảng 19: Số dư các quỹ

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.259.320.264	-	650.357.305
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần từ 01/04/2015, Công ty kết chuyển toàn bộ phần lợi nhuận sau thuế của năm 2014 là 7.657.627.057 đồng sang Quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định tại khoản 3, Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Trong năm 2015, 2016, được sự đồng ý của BCH công đoàn, Công ty đã thực hiện phân phối và sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi. Tuy nhiên đến cuối năm 2016, Công ty chưa thực hiện việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận do chưa Đại Hội cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận của năm 2016. Vì vậy, số dư của Quỹ khen thưởng phúc lợi tại 31/12/2016 bằng 0.

- **Tổng dư nợ vay**

Bảng 20: Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	2.743
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	19.440
Tổng cộng		**-**	**-**	**22.183**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

Trong năm 2015, 2016, Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên sang năm 2017, Công ty bắt đầu Vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty và Vay dài hạn để đầu tư các thiết bị chuyên dụng nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ của Cảng.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 21: Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1. Phải thu ngắn hạn	***18.503***	***24.033***	***27.325***
Phải thu của khách hàng (*)	18.215	23.767	25.017
Trả trước cho người bán	625	0	2.147
Các khoản phải thu khác (**)	425	707	1.288
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (***)	-761	-441	-1.126
2. Phải thu dài hạn	**-**	**-**	**-**
Tổng	**18.503**	**24.033**	**27.325**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty

(*) Khoản mục phải thu khách hàng tại thời điểm cuối năm 2016 là 23.767 triệu đồng, tăng 30,48% so với cuối năm 2015 chủ yếu do: Từ giữa năm 2016 Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 quy định về xuất khẩu khoáng sản, yêu cầu việc lấy mẫu phân tích cho từng lô hàng xuất khẩu chặt chẽ hơn khiến doanh nghiệp khó khăn trong việc xuất khẩu. Nhằm tạo điều kiện cho các khách hàng ổn định sản xuất để lấy lại thị trường sau một thời gian gián đoạn, Công ty đã giãn nợ cho một số khách hàng. Bên cạnh đó, nhằm thu hút thêm khách hàng mới và giữ chân các khách hàng truyền thống trong điều kiện cạnh tranh gay gắt từ một số cảng biển tại khu vực Bắc miền Trung, Công ty cũng đã có các chính sách giãn công nợ cho đối tượng khác hàng này.

(**) Trong 6 tháng năm 2017 Công ty tiến hành giải ngân vốn cho dự án đầu tư cần cẩu bánh lốp 100 tấn hiệu Gottwald với tổng giá trị đầu tư gần 85 tỷ đồng. Do vậy, Công ty thực hiện đáo hạn các khoản tiền gửi tại các ngân hàng để thực hiện việc thanh toán lần 1 (tương ứng 30% giá trị hợp đồng), đây cũng chính là lý do khiến các khoản tương đương tiền tại thời điểm 30/09/2017 giảm mạnh so với cuối năm 2016. Bên cạnh đó, để thực hiện bảo lãnh thanh toán cho 70% giá trị còn lại theo quy định trong Hợp đồng, Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi kỳ hạn và các tài sản khác, kéo theo các khoản phải thu khác tại ngày 30/09/2017 tăng 82,18% so với cuối năm 2016.

(***) Tại ngày 30/09/2017, Công ty có khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 1.126 triệu đồng. Đây chủ yếu là khoản phải thu của các khách hàng quá hạn thanh toán trong lĩnh vực khoáng sản. Hiện tại, Bộ công thương đã có chính sách mới trong lĩnh vực xuất khẩu khoáng sản, yêu cầu việc lấy mẫu phân tích cho từng lô hàng xuất khẩu chặt chẽ hơn khiến doanh nghiệp khó khăn trong việc xuất khẩu. Lô hàng của các khách hàng này vẫn đang được lưu tại bãi cảng của Công ty, vì vậy khả năng thu hồi nợ đối với các chủ hàng này tương đối cao.

Bảng 22: Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1. Nợ ngắn hạn	***37.061***	***25.858***	***21.957***
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	2.743
Phải trả cho người bán	9.507	2.956	2.821
Người mua trả tiền trước	495	462	472
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.933	2.456	1.989
Phải trả cho người lao động	15.608	13.591	8.872
Chi phí phải trả (*)	3.000	2.500	2.572
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	3.258	3.894	1.837
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.259	-	650
2. Nợ dài hạn	**-**	**-**	**19.440**
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	19.440
Tổng	**37.061**	**25.858**	**41.397**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty

(*) Chi phí phải trả ngắn hạn của Công ty là khoản chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá. Đây là khoản chi có tính chất đặc thù hỗ trợ kinh phí cho địa phương nhằm giải phóng cầu cảng, khắc phục tình trạng chiếm dụng cầu cảng số 4 của ngư dân, qua đó tăng năng lực, hiệu suất khai thác cầu cảng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí hỗ trợ này căn cứ thỏa thuận với UBND tỉnh Nghệ An và đã được sự chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải tại văn bản số 9848/BGTVT/BGTVT-VT ngày 12/8/2014 và của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Nghị quyết số 3714/NQ-HHVN ngày 24/10/2014. Công ty thực hiện việc chuyển tiền theo khối lượng thực hiện. Tại thời điểm 30/09/2017, Công ty đã thực hiện chuyển trả 5,5 tỷ đồng trong tổng số 8 tỷ đồng như đã cam kết, số còn lại 2,5 tỷ đồng đang được thể hiện tại khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn.

- **Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Bảng 23: Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu (VNĐ)	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Đầu tư ngắn hạn	17.849.975.810	29.715.528.893	10.000.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Vinh với thời gian từ 4 đến 6 tháng, lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,3%/năm.

❖ **Đầu tư tài chính dài hạn**

Bảng 24: Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
Đầu tư góp vốn thành lập Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines	2.500.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty CP Lai dắt và DVHH Cảng Cửa Lò	-	4.860.000.000	4.860.000.000
TỔNG	**2.500.000.000**	**4.860.000.000**	**4.860.000.000**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

- **Đầu tư góp vốn thành lập Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines**

Khoản đầu tư này phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền 2.500.000.000 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 33NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Trường cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines đã thông qua công tác giải thể và hoàn trả góp vốn cho các cổ đông. Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh đã nhận lại giá trị vốn góp và hạch toán lãi từ hoạt động góp vốn (57.594.794 đồng) vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2016.

- **Đầu tư vào Công ty CP Lai dắt và DVHH Cảng Cửa Lò**

Trong năm 2016, Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với số tiền 4.860.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 36%.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2,31	3,90
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,23	3,81
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,14	0,10

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,16	0,11
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	42,56	49,52
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho BQ			
+ Doanh thu thuần/Tổng TSBQ	Lần	0,53	0,62
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,42%	12,10%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,74%	8,45%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,03%	7,61%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	11,59%	13,91%

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Ghi chú: Chỉ tiêu tài chính năm 2015 là được tính từ khi Công ty chuyển đổi hoạt động là công ty cổ phần từ 01/04/2015

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 05 thành viên. Các thành viên hội đồng quản trị bao gồm:

Bảng 26: Danh sách thành viên HĐQT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT không điều hành)	Thành viên HĐQT không độc lập
2.	Ông Lê Doãn Long	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (Thành viên HĐQT điều hành)	Thành viên HĐQT không độc lập
3.	Ông Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên HĐQT không độc lập
4.	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên HĐQT không độc lập
5.	Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên HĐQT không độc lập

❖ **Ông NGUYỄN VĂN HẠNH – CHỦ TỊCH HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/3/1960
- Nơi sinh: Hải Phòng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà A19 tổ 9 ngõ 19 Trần Quang Diệu, P. Ô Chợ Dừa, q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 0310600001121 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 12/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển; Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
  - ✓ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam.
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1980 - 9/1983	C7 - E603 - Quân khu 3.	Trung sĩ, chiến sĩ
01/1984 - 6/1988	Xuất ngũ chuyển ngành, sinh viên khóa 24 khoa Kinh tế vận tải biển trường Đại học Hàng hải.	Sinh viên
7/1989 - 7/1994	Phòng Khai thác thương vụ Công ty Vận tải biển Việt Nam.	Cán bộ
8/1994 - 8/1997	Đại diện Công ty Vận tải biển Việt Nam tại Thái Lan.	Cán bộ
8/1997 - 12/1998	Công ty Vận tải biển Hải Âu thuộc Công ty Vận tải biển Việt Nam.	Phó giám đốc
01/1999 - 02/2000	Công ty Vận tải biển Việt Nam.	Phó Phòng Khai thác thương vụ kiêm Phó Phòng Vận tải dầu khí
3/2000 - 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam.	Trưởng Phòng Vận tải dầu khí
12/2003 - 3/2004	Công ty Quản lý tàu biển Văn Lang thuộc Tổng công ty Hàng hải VN.	Cán bộ
4/2004 - 6/2005	Công ty Vận tải biển Văn Lang thuộc Tổng công ty Hàng hải VN.	Phó giám đốc
7/2005 - 12/2007	Công ty Vận tải biển Văn Lang.	Giám đốc
12/2007 - 9/2010	- Công ty Vận tải biển Văn Lang (nay đổi tên thành Công ty Vận tải biển Vinalines). - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.	Giám đốc
9/2010 - 02/2012	- Công ty Vận tải biển Vinalines. - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.	Giám đốc
3/2012 - 8/2012	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.	
8/2012 - 3/2013	Phó Bí thư Đảng uỷ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam kiêm Trưởng Ban Tổ chức Đảng uỷ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.	
3/2013 - 8/2015	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Tổng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		giám đốc
6/2013 – 11/2016	Công ty Liên doanh vận tải quốc tế Nhật – Việt (Vijaco)	Chủ tịch HĐTV
8/2014 – 5/2015	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT
4/2015 – 3/2017	Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	Chủ tịch HĐQT
8/2015 - nay	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
6/2016 – nay	Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
5/2017 – nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật:Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - ✓ Sở hữu cá nhân:Không
  - ✓ Sở hữu đại diện:4.303.440 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh), tương đương 20% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	Ông Nguyễn Văn Hạnh là PTGĐ và đại diện sở hữu vốn của Vinalines tại Cảng Nghệ Tĩnh	10.973.772	51%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông LÊ DOÃN LONG – THÀNH VIÊN HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/12/1970
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối 8, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- CMND số: 181657843. Nơi cấp: Nghệ An. Ngày cấp: 09/04/2005
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế vật tư

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/1992 đến 10/1993	Phòng Kỹ thuật vật tư Cảng Nghệ Tĩnh	Chuyên viên
Từ 10/1993 đến 08/2002	Xí nghiệp Cơ khí Đóng tàu thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Kế toán
Từ 08/2002 đến 03/2005	Xí nghiệp Cơ khí Đóng tàu thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Phó Giám đốc
Từ 03/2005 đến 04/2007	Phòng Kế hoạch khai thác thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng
Từ 04/2007 đến 11/2007	Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Giám đốc
Từ 11/2007 đến 12/2009	Cảng Nghệ Tĩnh	Phó giám đốc
Từ 01/2010 đến 03/2015	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Chủ tịch HĐTV – Tổng giám đốc
Từ 4/2015 đến 5/2017	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc
Từ 6/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

✓ Sở hữu cá nhân: 44.900 cổ phần, tương đương 0,21% số cổ phần đang lưu hành của Công ty

✓ Sở hữu đại diện 3.442.752 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh), tương đương 16% số cổ phần đang lưu hành của Công ty

✓ Sở hữu của người liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	Ông Lê Doãn Long đại diện sở hữu vốn của Vinalines tại Cảng Nghệ Tĩnh	10.973.772	51%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông LÊ DUY DƯƠNG – THÀNH VIÊN HĐQT**

- Giới tính:Nam
- Ngày sinh: 19/02/1979
- Nơi sinh:Thanh Hóa

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 108-T2, Ngõ 2, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
- CMND số: 013616629. Nơi cấp: CATP Hà Nội. Ngày cấp:7/3/2013
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Phó trưởng ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
  - Trưởng ban kiểm soát CTCP Cảng Hải Phòng
  - Thành viên ban kiểm soát CTCP Cảng Đà Nẵng.
  - Trưởng ban kiểm soát CTCP Đầu tư Thương mại Hàng hải Hải Phòng.
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines – Đông Đô
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2000 đến 8/2002	Ban Tổ chức Tiền lương – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên
Từ 8/2000 đến 1/2009	Ban Quản lý các doanh nghiệp có vốn góp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên
Từ 1/2009 đến 11/2010	Ban Tài chính – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên
Từ 11/2010 đến 8/2013	Ban Tài chính – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó phòng Quản trị tài chính
Từ 8/2013 đến 11/2013	Ban Tài chính – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên cấp 1
Từ 11/2013 đến 5/2014	Ban Tài chính và Quản lý vốn góp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên cấp 2
Từ 5/2014 đến nay	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó trưởng Ban
Từ tháng 4/2016 đến nay	CTCP Cảng Hải Phòng	Trưởng Ban kiểm soát
Từ tháng 7/2014 đến nay	CTCP Cảng Đà Nẵng	Thành viên Ban kiểm soát
Từ tháng 3/2015 đến nay	CTCP Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: Không
  - Sở hữu đại diện: 3.227.580 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh), tương đương 15% số cổ phần đang lưu hành của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
Tổng công ty Hàng	Ông Lê Duy Dương đại	10.973.772	51%

hải Việt Nam (Vinalines)	diện sở hữu vốn của Vinalines tại Cảng Nghệ Tĩnh		

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông NGUYỄN HỒNG SƠN**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1982
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: khối 10, phường Hà Huy Tập, Tp Vinh, Nghệ An
- CMND số: 182472848. Nơi cấp: Nghệ An. Ngày cấp: 31/10/2014
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu – Đường
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Sông Lam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2005 đến 2008	Công tác tại Ban Quản lý Dự án Biển Đông	Chuyên viên
Từ 2008 đến 2014	Ban Quản lý Dự án 6 – Bộ GTVT	Chuyên viên
Từ 2014 đến 2015	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	Chuyên viên phòng Đầu tư
Từ 2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sông Lam	Giám đốc
Từ 3/2015 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 4.594.156 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của CTCP Đầu tư Tuấn Lộc tại Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh), tương đương 21,4% số cổ phần đang lưu hành của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Ông Nguyễn Hồng Sơn đại diện sở hữu vốn của CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại Cảng Nghệ Tĩnh	4.594.156	21,4%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông HOÀNG TẤT THẮNG – THÀNH VIÊN HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/08/1950
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Nghi Khánh – Huyện Nghi Lộc – Tỉnh Nghệ An
- CMND số: 012774779. Nơi cấp: Hà Nội. Ngày cấp: 21/4/2005
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Lai Dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1972 đến 1977	Cảng Nghệ Tĩnh	Cán bộ kỹ thuật
Từ 1983 đến 1986	Cảng Nghệ Tĩnh	Phó trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 1986 đến 1990	Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Giám đốc xí nghiệp
Năm 1990 đến 1994	Cảng Nghệ Tĩnh	Giám đốc Cảng
Từ 01/1995 đến 6/2003	UBND tỉnh Nghệ An	Phó Chủ tịch
Từ 6/2003 đến 9/2010	Cục Hàng Hải Việt Nam – Bộ Giao thông Vận tải	Phó cục trưởng
Từ 10/2010 đến 3/2015	Nghỉ hưu tại địa phương	Hưu trí
Từ 3/2016 đến nay	CTCP Lai Dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Chủ tịch HĐQT
Từ 3/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: không
  - Sở hữu đại diện cho ông Bùi Ngọc Yên là 2.313.101 cổ phần, tương đương 10,75% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
Bùi Thị Quý	Vợ	6.900	0,032%
Bùi Ngọc Yên	Ông Hoàng Tất Thắng đại diện sở hữu vốn của	2.313.101	10,75%

	ông Bùi Ngọc Yên tại Cảng Nghệ Tĩnh		

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13.2. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát

Bảng 27: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Ngô Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
2.	Ông Nguyễn Danh Hải	Thành viên
3.	Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên

❖ **Bà NGÔ THỊ HỒNG HẠNH**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/12/1982
- Nơi sinh: Thành phố Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tập thể khảo sát 3, Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội
- CMND số: 013593439 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội Ngày cấp: 08/11/2012
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên ban Kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/2005 đến 9/2006	Công ty XNK Vật tư đường biển	Chuyên viên Phòng Kế toán
Từ 10/2006 đến nay	Tổng công ty Hàng hải VN	Chuyên viên Ban Kế toán
Từ 11/7/2014 đến 01/9/2017	Trung tâm nhân lực hàng hải Đông Nam Á	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ 3/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Trưởng Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: Không
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Bà Ngô Thị Hồng Hạnh làm chuyên viên ban kế toán	10.973.772	51%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông NGUYỄN DANH HẢI**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/8/1974
- Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 4/5 Nguyễn Duy Trinh, phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An.
- Chứng minh thư nhân dân số: 181987650 Nơi cấp: C.An Nghệ An; Ngày cấp: 24/11/1998
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 02383.593737; Di động: 0915.123737
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng KHKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 đến 2002	Ban Quản lý Dự án Quảng trường Hồ Chí Minh	Nhân Viên
Từ 2002 đến 2007	Công ty Điện lực Nghệ An	Nhân viên
Từ 2007 đến 2010	Cảng Nghệ Tĩnh	Nhân viên
Từ 2010 đến 2012	Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Phó Giám đốc Xí nghiệp
Từ 2012 đến 3/2015	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng KHKD
Từ 3/2015 đến 5/2017	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng KHKD
Từ 2014 đến 2016	Đại học hàng hải Việt Nam	Thạc sỹ quản lý kinh tế
Từ 6/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên ban kiểm soát. Trưởng phòng KHKD

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty
  - ✓ Sở hữu đại diện: không
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông NGUYỄN THẾ TIẾN**

- Họ và tên: Nguyễn Thế Tiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/07/1977
- Nơi sinh: Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P253B4 chung cư Nam Nguyễn Sĩ Sách, khối Tân Hợp, phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An
- Chứng minh thư nhân dân số: 182131432 Nơi cấp: CA Nghệ An; Ngày cấp: 04/05/2009
- Điện thoại liên hệ: Cơ quan: 0238. 3847 143 Di động: 096.2771977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2010	Công ty CP ĐT và PT nhà Hà Nội số 30	Kế toán Xí nghiệp 5
Tháng 12/2010 đến tháng 7/2014	BQL Công trình – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ
Tháng 8/2014 đến tháng 3/2015	Nghỉ chờ việc	
Tháng 4/2015 đến nay	CTCP Cấp nước Sông Lam	Nhân viên Kế toán
Từ tháng 5/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13.3. Ban giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 28: Danh sách thành viên BGĐ và KTT

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
2.	Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng

❖ **Ông LÊ DOÃN LONG**

(đã trình bày ở phần về Các thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **Ông TRẦN VĂN ĐẠT**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/08/1963
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối 8, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- CMND số: 182000153. Nơi cấp: Nghệ An. Ngày cấp: 13/05/2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc CTCP Lai dắt Hàng hải Cửa Lò
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1988 đến 10/1990	Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò thuộc Cảng Nghệ tĩnh	Đội phó đội kho hàng
Từ 10/1990 đến 09/1999	Phòng Kế hoạch Khai thác thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Chuyên viên thống kê
Từ 11/2001 đến 12/2009	Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Phó giám đốc
Từ 1/2010 đến 2/2010	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐTV kiêm PGĐ xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò
Từ 2/2010 đến 5/2012	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐTV kiêm GĐ xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò
Từ 6/2012 đến 3/2015	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐTV kiêm phó Tổng giám đốc Công ty
Từ 3/2015 đến 05/2017	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Từ 3/2016 đến nay	CTCP Lai dắt Hàng hải Cửa Lò	Giám đốc
Từ 05/2017 - nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: 32.150 cổ phần, tương đương 0,15% số cổ phần đang lưu hành của Công ty

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông BÙI KIỀU HƯNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/09/1972
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối Bình Phúc - Phường Hưng Phúc - Thành Phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.
- CMND số: 181937164. Nơi cấp: Nghệ An. Ngày cấp: 05/07/2014
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1999 đến 09/2000	Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Cán bộ điều độ
Từ 09/2000 đến 10/2005	Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Chuyên viên Lao động tiền lương
Từ 11/2005 đến 12/2007	Phòng TCCB-LĐ thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Phó trưởng phòng
Từ 12/2007 đến 11/2009	Phòng TCCB-LĐ thuộc Cảng Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng
Từ 12/2009 đến 01/2010	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐTV,Trưởng phòng TCCB-LĐ
Từ 02/2010 đến 05/2012	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐTV,Trưởng phòng KHKD
Từ 6/2012 đến 03/2015	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐTV, Phó Tổng Giám đốc Công ty
Từ 3/2015 đến 05/2017	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ công ty
Từ 06/2017 - nay	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Phó TGĐ công ty

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Sở hữu cá nhân: 15.925 cổ phần, tương đương 0,07% số cổ phần đang lưu hành của Công ty
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan: không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Ông NGUYỄN XUÂN HÙNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/01/1980
- Nơi sinh: Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối An Vinh, phường Hưng Phúc, TP Vinh, Nghệ An
- CMND số: 182349557. Nơi cấp: Nghệ An. Ngày cấp: 04/03/2003
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1999 đến 08/2003	Học viện tài chính Hà Nội	Sinh viên
Từ 10/2003 đến 02/2013	Phòng TCKT Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Chuyên viên
Từ 03/2013 đến 06/2014	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Phó phòng TCKT
Từ 07/2014 đến 3/2015	Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh	Kế toán trưởng
Từ 4/2015 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ).
  - Sở hữu cá nhân: 20.740 cổ phần, tương đương 0,096% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - Sở hữu đại diện: không
  - Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

14.1. Tình hình tài sản của Công ty

Bảng 29: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	GTCL	%GTCL/NG

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	GTCL	%GTCL/NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**404.875.496.450**	**143.311.071.287**	**35,40%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	294.332.941.357	101.875.279.374	34,61%
2	Máy móc, thiết bị	11.919.535.314	3.223.155.450	27,04%
3	Phương tiện vận tải	94.174.297.295	37.027.938.662	39,32%
4	Thiết bị văn phòng	272.690.909	103.391.665	37,92%
5	TSCĐ khác	4.176.031.575	1.081.306.136	25,89%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**395.862.000**	**362.873.500**	**91,67%**
1	Phần mềm kế toán	395.862.000	362.873.500	91,67%
Tổng cộng		**405.271.358.450**	**143.673.944.787**	**35,45%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Bảng 30: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Xây dựng bến 5 và bến 6 Cảng Cửa Lò (*)	1.803.355.550	1.803.355.550	-
Chi phí nạo vét vũng đậu tàu (**)	7.582.303.636	-	-
Nạo vét cảng Bến Thủy	-	-	22.000.000
Tổng	**9.385.659.186**	**1.803.355.550**	**22.000.000**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

(*) Dự án Xây dựng bến số 5 và số 6 đã được chuyển giao cho chủ đầu tư mới là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (cổ đông lớn của Công ty) theo văn bản số 7591/UBND-GT của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Đến nay Công ty đã hoàn thành việc bàn giao

(**) Trong năm 2016 Công ty đã hoàn thành dự án nâng cấp phát triển Cảng Cửa Lò, các chi phí dở dang được kết chuyển sang chi phí phân bổ dài hạn và tài sản cố định. Đây là chi phí nạo vét tàu.

14.2. Đất đai đang sử dụng

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh đến thời điểm hiện nay đang quản lý, sử dụng các khu đất sau:

Bảng 31: Các khu đất Công ty đang sử dụng

Tên	Địa chỉ	Diện tích	Hiện trạng	Hình thức sử dụng	Căn cứ pháp lý
Thửa đất số 1	Thửa số 01-tờ bản đồ số 33 -Phường Bến Thủy- TP.Vinh-Nghệ An	59,776.6 m2	Sử dụng làm Cảng xếp dỡ hàng hóa	Thuê 40 năm (ngày hết hạn thuê đất: 29/5/2054)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 2	Thửa số 331, tờ bản đồ số 05 Phường Thu Thủy - Thị xã Cửa Lò	2,617.6 m2	Sử dụng làm nhà nghỉ công nhân	Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm	Đang hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tên	Địa chỉ	Diện tích	Hiện trạng	Hình thức sử dụng	Căn cứ pháp lý
Thửa đất số 3	Thửa số 62-tờ bản đồ số 05, Phường Nghi Tân-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An	1,176.7 m2	Sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh	Thuê 40 năm (ngày hết hạn thuê 12/5/2054)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 4	Thửa số 35-tờ bản đồ số 05, Phường Nghi Tân-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An	2,510.6 m2	Sử dụng làm cở sở sản xuất kinh doanh	Thuê 40 năm (ngày hết hạn thuê 12/5/2054)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 5	Thửa số 02-tờ bản đồ số 05 Phường Nghi Tân-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An	74,920.5 m2	Sử dụng làm cảng xếp dỡ hàng hóa	Thuê 40 năm (ngày hết hạn thuê 29/5/2054)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 6	Thửa số 02-tờ bản đồ số 05 Phường Nghi Thủy-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An	124,891.7 m2	Sử dụng làm cảng xếp dỡ hàng hóa	Thuê 40 năm (ngày hết hạn thuê 29/5/2054)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 7	Số 10- Đường Trường Thi - Phường Trường Thi - TP.Vinh – Nghệ An	2,321.3 m2	Sử dụng làm văn phòng	Thuê 20 năm (ngày hết hạn thuê 19/4/2024)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 8	Xã Hưng Hòa - TP.Vinh - Tỉnh Nghệ An	39,000.5 m2	Quy hoạch xây dựng Cảng xếp dỡ hàng hóa	Thuê 40 năm (ngày hết hạn thuê 9/7/2047)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
Thửa đất số 9	Thửa số 29-tờ bản đồ số 15 Khối 4 - Phường Bến Thủy - TP.Vinh - Tỉnh Nghệ An	410.5 m2	Sử dụng làm nhà trẻ, mẫu giáo.	Đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ xin cấp GCNQSD đã trình Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Nghệ An phê duyệt

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Bảng 32: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2017

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2016	KH Năm 2017	Tăng giảm 2017/2016	Năm 2018
Vốn điều lệ (triệu đồng)	215.172	215.172	0%	Chưa có
Doanh thu thuần (triệu đồng)	164.176	165.000	0,5%	Chưa có
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	24.898	26.000	4,4%	Chưa có
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần (%)	15,17%	15,76%		Chưa có
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ (%)	11,57%	12,08%		Chưa có
Cổ tức (dự kiến)	7,80%	8,00%		Chưa có

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017:

- **Phát triển thị trường, đầu tư cơ sở hạ tầng**

Công ty đã lập kế hoạch xây dựng Cảng Nghệ Tĩnh trở thành một thương cảng quốc tế, cảng trọng điểm của khu vực Bắc Trung bộ, là đầu mối giao thương của tỉnh miền Trung và Lào với các nước trong khu vực và thế giới. Để thực hiện kế hoạch đó, ngoài việc tiếp tục chăm sóc các khách hàng cũ, để duy trì mối quan hệ bền vững, Công ty còn tiếp tục phát triển các khách hàng mới để có mức tăng trưởng doanh thu, tận dụng hết các lợi thế sẵn có.

Từng bước đầu tư thiết bị, công cụ xếp dỡ hiện đại để nâng cao năng suất lao động, nâng cấp mở rộng hạ tầng kho, bãi, mua các thiết bị, công cụ hiện đại, phần mềm quản lý khai thác,..vv để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xuất khẩu hàng hóa trong khu vực thông qua Cảng.

Ngoài việc tăng cường dịch vụ thu bốc xếp hàng hóa, Công ty sẽ tập trung duy trì và phát triển hệ thống kho bãi cho phù hợp với sản lượng hàng hóa ngày cảng tăng thông qua cảng. Đồng thời nghiên cứu, áp dụng các công nghệ quản lý mới tạo ra sự tối ưu hóa cho việc sử dụng các kho, bãi.

Đối với các dịch vụ kinh doanh khác, Công ty tiếp tục từng bước đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm không ngừng đẩy mạnh các loại hình kinh doanh khác như: Đưa đón, hỗ trợ tàu ra vào Cảng, đại lý kinh doanh cung ứng xăng dầu - xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD của Cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển ...

- **Giải pháp về tài chính, vốn**

Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn.

Bảng 33: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

Chỉ tiêu	KH Năm 2017	Kết quả thực thực hiện 9 tháng đầu năm 2017	% thực hiện/kế hoạch
Doanh thu thuần (triệu đồng)	165.000	118.845	72,03%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	26.000	18.428	70,88%
Cổ tức (dự kiến)	8,00%	N/A	N/A

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017

Với những kết quả đạt được 09 tháng đầu năm và sự phấn đấu của cán bộ công nhân viên và công tác điều hành của Hội đồng quản trị, khả năng hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đã thông qua là khả thi.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán SHB, đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, chúng tôi nhận thấy rằng sự phát triển của nền kinh tế nói chung, của ngành cảng biển nói riêng rất khả quan.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế kéo theo quá trình mở rộng giao thương diễn ra nhanh, và nhu cầu về vận chuyển hàng hoá trong nước cũng như xuất khẩu tăng mạnh. Trước xu thế đó, Cảng Nghệ Tĩnh đã mạnh dạn tiến hành đầu tư cơ sở hạ tầng, trang bị kỹ thuật công nghệ hiện đại, xây dựng thương hiệu và từng bước hoàn thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp, đặc biệt chú trọng vào lĩnh vực khai thác cầu cảng, kho bãi.

Như vậy, nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận, cổ tức mà Cảng Nghệ Tĩnh đã đề ra là khả thi.Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh mà hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của số liệu dự báo.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Loại chứng khoán: Phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Mã chứng khoán

NAP

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết: 21.517.200 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo mục d khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Số lượng bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật là 7.027.572 cổ phần, chiếm 32,66% vốn điều lệ

Danh sách Thành viên HĐQT, BKS, TGĐ, PTGĐ, KTT bị hạn chế chuyển nhượng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cá nhân	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
2	Lê Doãn Long	Thành viên HĐQT, TGĐ	44.900	44.900	22.450
3	Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT	-	-	-
4	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-
5	Hoàng Tất Thắng	Thành viên HĐQT	-	-	-
6	Ngô Thị Hồng Hạnh	Trưởng BKS	-	-	-
7	Nguyễn Danh Hải	Thành viên BKS	6.600	6.600	3.300
8	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	-	-
9	Trần Văn Đạt	Phó TGĐ	32.150	32.150	16.075
10	Bùi Kiều Hưng	Phó TGĐ	15.925	15.925	7.963

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cá nhân	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo
11	Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng	20.740	20.740	10.370
Tổng cộng			**120.315**	**120.315**	**60.158**

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Danh sách cổ đông lớn là người có liên quan bị hạn chế chuyển nhượng

Stt	Họ và tên cổ đông	Người nội bộ có liên quan	SLCP sở hữu	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên HĐQT	4.594.156	4.594.156	2.297.078
2	Bùi Ngọc Yên	Hoàng Tất Thắng - Thành viên HĐQT	2.313.101	2.313.101	1.156.551
Tổng cộng			**6.907.257**	**6.907.257**	**3.453.629**

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

6. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) căn cứ theo Giá trị sổ sách tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty được xác định bởi công thức sau:

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu NAP các thời điểm như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Vốn chủ sở hữu	Đồng	227.895.872.728	235.094.319.479	230.181.916.768
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Cổ phiếu	21.517.200	21.517.200	21.517.200
3	Giá trị sổ sách	Đồng/cổ phần	10.591	10.926	10.698

Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Cảng Nghệ Tĩnh

7. Phương pháp tính giá

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh dự kiến sử dụng các phương pháp tính giá theo giá trị sổ sách, và giá giao dịch bình quân của 20 phiên giao dịch cuối cùng trên sàn UPCOM để xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu NAP tại sàn HNX.

Căn cứ vào các phương pháp tính giá, Hội đồng quản trị của Công ty sẽ tính giá và quyết định về mức giá tham chiếu và công bố cho nhà đầu tư trước ngày giao dịch đầu tiên.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được tuân thủ theo quy định tại Điều 1 khoản 2 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ (Bổ sung Điều 2a. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cho Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán).

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh không quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư người nước ngoài. Với danh mục ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Công ty đã thực hiện tra soát theo quy định của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội 13 thông qua ngày 26/11/2014, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty có một số ngành nghề kinh doanh thuộc nhóm ngành có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài (Bốc xếp hàng hóa; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải).

Sau khi tra soát Danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và áp dụng quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 49%.

Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 09/10/2017, Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phiếu của Công ty.

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. Các loại thuế áp dụng đối với Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài…

9.2. Các loại thuế áp dụng đối với nhà đầu tư

a) Đối với cá nhân

Theo Luật thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007 và các văn bản pháp luật có liên quan thì: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức), thu nhập từ chuyển nhượng vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân.

❖ **Mức thuế suất đối với từng loại như sau:**

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức): 5%.

- Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp áp dụng theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

(Đối với chứng khoán của công ty đại chúng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, giá chuyển nhượng chứng khoán là giá thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán. Giá thực hiện là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ các giao dịch thỏa thuận tại Sở Giao dịch chứng khoán.

Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên, giá chuyển nhượng là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá thực tế chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán chuyển nhượng tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng).

❖ **Kỳ tính thuế:**

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b) Đối với tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- *Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.*
- *Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.*

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.
- Nhà Đầu tư và Tổ chức thoái vốn phải tuân thủ và thực hiện theo đúng các quy định về thuế theo các văn bản hiện hành tại thời điểm giao dịch.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 6288 3568 Fax: 024 6288 5678

2. Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 024 3726 2222 Fax: 024 3726 2305

Website : www.shbs.com.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

Phụ lục III:

- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2016
- BCTC 09 tháng đầu năm năm 2017

Nghệ An, ngày tháng năm 2017

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN VĂN HẠNH	**LÊ DOÃN LONG**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
NGÔ THỊ HỒNG HẠNH	**NGUYỄN XUÂN HÙNG**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THẾ MINH